TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BTL** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **79**/2024/QĐST-DS	*BTL, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở : Số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Ngô Chí D – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHDN và Xử lý nợ Pháp luật (Theo văn bản uỷ quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023)

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Xuân S – Trưởng bộ phận xử lý nợ, ông Bùi Quang A, ông Trần Trọng N, ông Nguyễn Tiến A – Chuyên viên Xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 360/2024/UQ-VPB ngày 12/3/2024).

2. Công ty Cổ phần B

Địa chỉ trụ sở: Tầng 4, toà nhà C, số 219 phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng giám đốc (Theo văn bản uỷ quyền số 01/2024/UQ-CTHĐQT ngày 20/3/2024)

Người được uỷ quyền lại: Ông Phan Huy M – Giám đốc Công ty cổ phần B (Theo văn bản uỷ quyền số 01/2024/UQ-TGĐ ngày 28/6/2024).

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến T, ông Ngô Văn P và ông Hoàng Tiến Đ – Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 12/2024/UQ-JUPITER.VPB ngày 09/7/2024)

Bị đơn:

1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1981

2. Chị Cao Thị Hồng D, sinh năm 1981

Cùng nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 8, phường P, quận BTL, thành phố Hà Nội;

Cùng nơi cư trú: Số 32 đường P, tổ dân phố P, phường M, quận BTL, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D xác nhận nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần B số nợ của các Hợp đồng cho vay số LN2207256317344 ký ngày 05/08/2022 và đề nghị giải ngân kèm theo: Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng chẵn*); Hợp đồng vay số LN2207256317343 ký ngày 05/08/2022 và Đề nghị giải ngân kèm theo: Số tiền vay: 9.750.000.000 đồng (*Chín tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện từ giải ngân ngày 30/08/2012: Hạn mức: 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn*);

Tổng dư nợ của các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 22/7/2023 là: Nợ gốc: 19.848.863.300 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 157.458.905 đồng; lãi quá hạn là: 4.053.643.965 đồng, lãi chậm trả: 596.754.989 đồng. Tổng số nợ: 24.656.721.159 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn một trăm lăm mươi chín đồng*); Cụ thể:

Số tiền nợ công ty Cổ phần B là: Nợ gốc là: 17.873.863.300 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 141.713.015 đồng; lãi quá hạn là: 3.648.279.568 đồng, lãi chậm trả: 537.079.490 đồng. Tổng số nợ: 22.200.935.373 đồng (*Hai mươi hai tỷ, hai trăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng*).

Số tiền nợ Ngân hàng TMCP A là: Nợ gốc là: 1.975.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 15.745.890 đồng; lãi quá hạn là: 405.364.397 đồng, lãi chậm trả:

59.675.499 đồng. Tổng số nợ: 2.455.785.786 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi năm nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng*).

2.2. Các bên thống nhất về thời gian và phương thức trả nợ như sau:

Ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D có nghĩa vụ thanh toán ngay toàn bộ số dư nợ gốc và lãi cho Công ty Cổ phần B và Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Tổng dư nợ của các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 22/7/2023 là: Nợ gốc: 19.848.863.300 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 157.458.905 đồng; lãi quá hạn là: 4.053.643.965 đồng, lãi chậm trả: 596.754.989 đồng. Tổng số nợ: 24.656.721.159 đồng (*Hai mươi bốn tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn một trăm lăm mươi chín đồng*), cụ thể:

Tổng số nợ ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Cổ phần B tạm tính đến ngày 22/7/2024 là: Nợ gốc là: 17.873.863.300 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 141.713.015 đồng; lãi quá hạn là: 3.648.279.568 đồng, lãi chậm trả: 537.079.490 đồng. Tổng số nợ: 22.200.935.373 đồng (*Hai mươi hai tỷ, hai trăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng*) và tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 23/7/2024 cho đến khi ông T và bà D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tổng số nợ ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tạm tính đến ngày 22/7/2024 là: Nợ gốc là: 1.975.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 15.745.890 đồng; lãi quá hạn là: 405.364.397 đồng, lãi chậm trả: 59.675.499 đồng. Tổng số nợ: 2.455.785.786 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 23/7/2024 cho đến khi ông T và bà D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào thì công ty Cổ phần B và Ngân hàng Thương mại cổ phần A đều có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn tiền với đất tại thửa đất số: 953, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: Ấp G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD773617, số vào sổ cấp GCN: CS 204769 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/7/2022, đứng tên ông Lê Minh T. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 12470, quyển số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 02/8/2022 tại văn phòng Công chứng Nguyễn Khánh – Kiên Giang để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ của công ty Cổ phần B và Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ, ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D còn phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí: Ông Lê Minh T và bà Cao Thị Hồng D chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 66.328.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 65.400.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/23, số 0021415 ngày 25/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BTL, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Huệ